TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2025
Về việc:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Hữu Thủy

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" thụ lý số 75/2025/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/ QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự.

* *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị T, sinh năm: 1989
Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

* *Bị đơn*: Anh Mai Đình P, sinh năm 1989
Địa chi: Xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T và anh P đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Mai Đình P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên rượu chè, chửi bởi, đánh đập chị T, không tập trung làm ăn. Đến năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện T cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sông của ai người đó tự lo. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Đình P.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Trịnh Đức D, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Mai Hà A, sinh ngày 13/11/2014. Hiện tại các cháu đang sống cùng chị T. Cháu Đức D bị bệnh bại não, phải nằm 1 chỗ từ nhỏ. Còn cháu Hà A phát triển bình thường. Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về phần cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Mai Đình P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hiện tại chị đang kinh doanh tự do, mức thu nhập hàng tháng là 15.000.000đ sau khi ly hôn, chị và các con sinh sống cùng bố mẹ đẻ của chị tại thôn N, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, ông bà còn minh mẫn, sức khỏe còn tốt nên có thể giúp đỡ chị chăm sóc 2 cháu những lúc chị bận công việc. Nên chị xét thấy có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 2 con chung.

- Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho anh Mai Đình P theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh P đã nhận đầy đủ các thủ tục nhưng không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn và không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 5 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân xã K cung cấp thông tin: Chị Trịnh Thị T và anh Mai Đình P có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 13/12/2011 là đúng. Sau khi kết hôn chị T về sống tại gia đình nhà chồng, tuy nhiên đến năm 2020 thì chị T và hai con về nhà bố mẹ đẻ tại xã K sinh sống cho đến nay, quá trình chị T và các con về địa phương sinh sống, địa phương không nhận được đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn của vợ chồng nên vợ chồng chị T, anh P có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung cháu Mai Trịnh Đức D, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Mai Hà A, sinh ngày 13/11/2014. Hiện 2 cháu và chị T đang sống tại nhà bố mẹ chị T. Điều kiện sức khỏe, sinh hoạt, học tập của 2 cháu đều tốt. Chị T là lao động tự do, thu nhập cụ thể bao nhiêu một tháng địa phương không nắm được.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về tuân theo pháp luật: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Mai Đình P.

+ Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 2 con chung là cháu Mai Trịnh Đức D, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Mai Hà A, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản và công nợ: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Mai Đình P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/12/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh P thường xuyên rượu chè, chửi bởi, đánh đập chị T, không tập trung làm ăn. Đến năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã K, huyện T, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Mai Đình P.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Mai Trịnh Đức D, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Mai Hà A, sinh ngày 13/11/2014. Cháu Đức D bị bệnh bại não, phải nằm 1 chỗ từ nhỏ, cháu Hà A phát triển bình thường. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung. Cháu A có nguyện vọng được sống cùng mẹ.

Xét thấy: Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, anh P đã nhận và biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T tuy nhiên anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh P.

Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2025 đại diện chính quyền địa phương nơi chị T và các con sinh sống cung cấp thông tin hiện tại cả hai cháu M Trịnh Đức D và Mai Hà A đang sống cùng chị T. Cháu D bị bại não từ nhỏ nằm một chỗ, cháu A phát triển bình thường. Hiện tại chị T là lao động tự do, thu nhập bình quân 15.000.000đ /01 tháng nên Hội đồng xét xử xét thấy chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Để không làm sáo trộn cuộc sống của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét

[4] Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị T được ly hôn với anh Mai Đình P.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu M Trịnh Đức D, sinh ngày 24/11/2012 và cháu Mai Hà A, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Mai Đình P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004489, ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Tiến Nông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vu án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Lê Thị Lan